

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VT
TỈNH VP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/DS-ST

Ngày: 21/5/2024

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Triển;

2. Ông Phan Duy Lục.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh VP.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, tỉnh VP tham gia phiên tòa:**
Bà Lê Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh VP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn S, xã NH, huyện VT, tỉnh VP, (có mặt);

Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã NH, huyện VT, tỉnh VP, (vắng mặt);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Văn H, sinh năm 1988; địa chỉ: địa chỉ: Thôn S, xã NH, huyện VT, tỉnh VP, (có mặt);

+ Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã NH, huyện VT, tỉnh VP, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 11 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị P trình bày:

Chị và chồng Lê Văn H mở xưởng kinh doanh kính xây dựng, việc kinh doanh của vợ chồng chị không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép đăng ký kinh doanh. Đầu năm 2020 anh Lê Văn C là khách hàng mua bán cửa kính của nhà chị, việc mua bán kính cả hai bên thống nhất giá cả, chất lượng kính, loại kính.

Việc mua bán thỏa thuận bằng miệng không lập hợp đồng bằng văn bản, mỗi lần giao dịch hàng hóa chị đều ghi sổ và anh C có ký nhận, chốt số tiền còn nợ trong sổ bán hàng của chị. Vợ chồng chị thỏa thuận với anh C cho nợ gói vẫn phải trả tiền dần cho vợ chồng chị, giao ước đến cuối năm là phải tất toán hết các khoản nợ mua hàng. Theo thỏa thuận vợ chồng chị bán cho anh C chuyên kính, anh C lắp đặt kính cho khách hàng của anh C xong rồi về thanh toán tiền kính cho vợ chồng chị, cứ tiếp tục chuyên sau vợ chồng chị chuyên kính sang nhà anh C. Việc giao kính anh C là người nhận hàng trực tiếp và có cả nhân viên tên là Cường nhận kính thay tại nhà anh C, anh Cường có ký nhận vào sổ của chị.

Từ ngày 19/3/2022 đến ngày 03/01/2023 tổng số tiền vợ chồng anh C nợ là 30.353.000 đồng. Chị và anh H yêu cầu vợ chồng anh C trả nợ hết số tiền trên nhưng vợ chồng anh C không trả. Cuối năm 2022 vợ chồng anh C trả nợ được 15.000.000 đồng (người trực tiếp chốt sổ trả tiền là chị H), vợ chồng chị đã thông báo chấm dứt không bán kính cho vợ chồng anh C nữa. Số tiền còn nợ đến nay là 15.353.000 đồng.

Chị P yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Văn C, chị Nguyễn Thị Thu H phải trả cho vợ chồng chị toàn bộ số tiền còn nợ 15.353.000 đồng, chị không đề nghị tính tiền lãi.

- Bị đơn anh Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh trình bày:

Vợ chồng anh có mua bán kính của nhà anh chị P, H từ năm 2020. Việc mua bán không lập hợp đồng chỉ mua bán gọi qua điện thoại đặt số lượng hàng, sau đó tổng số tiền bao nhiêu chị P ghi sổ chốt số tiền. Việc giao dịch mua bán thường xuyên khi mua chuyên đầu anh nợ gói đến chuyên sau rồi thanh toán đầy đủ cho vợ chồng chị P. Đầu năm 2023 anh H vào đòi số tiền chốt sổ cuối năm 2022, khi đến nhà anh, anh H có giọng nói thách thức chửi bới bố mẹ anh vì anh H cho rằng anh khát nợ. Do anh H có thái độ láo với bố mẹ anh nên vợ chồng anh không đồng ý trả số tiền còn thiếu cho vợ chồng anh H. Về số tiền vợ chồng chị P yêu cầu vợ chồng anh trả cho vợ chồng chị P là 15.353.000 đồng, quan điểm của anh là đề nghị vợ chồng chị P phải nói chuyện với vợ chồng anh đảng Hg mỗi năm vợ chồng anh trả 2.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết số tiền còn nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn H trình bày:

Anh là chồng của chị P, anh nhất trí với quan điểm của chị P. anh đề nghị vợ chồng anh C trả cho vợ chồng anh số tiền nợ là 15.353.000 đồng. Vợ chồng anh không đề nghị vợ chồng anh C phải trả tiền lãi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị là vợ của anh C, chị đồng ý với quan điểm trình bày của anh C. Việc vợ chồng chị mua mặt hàng kính của vợ chồng chị P như chị P trình bày là đúng. Cuối năm

2022 vợ chồng chị P chốt sổ yêu cầu vợ chồng chị trả tiền cho vợ chồng chị P, vợ chồng chị đã trả 15.000.000 đồng, còn nợ lại 15.353.000 đồng, chị là người chốt sổ với vợ chồng chị P. Nay quan điểm của chị đề nghị vợ chồng chị P cho vợ chồng chị trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vì hiện nay làm ăn kinh tế rất khó khăn.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán về quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện VT không có yêu cầu hay kiến nghị gì.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; 430, 433, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

Buộc vợ chồng anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị Thu H phải trả vợ chồng chị Nguyễn Thị P và anh Lê Văn H số tiền mua hàng còn nợ là 15.353.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị P được chấp nhận nên anh C, chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Lê Văn C trả cho vợ chồng chị khoản tiền do vợ chồng anh C mua hàng còn nợ; bị đơn anh Lê Văn C hiện nay đang cư trú tại thôn Đ, xã NH, huyện VT, tỉnh VP. Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh VP thụ giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”, tuy nhiên vợ chồng chị P với vợ chồng anh C đều không có đăng ký kinh doanh, do vậy Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là phù hợp với quy định khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì yêu cầu khởi kiện của chị P còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn anh C có đơn nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

Các đương sự đều thừa nhận giữa vợ chồng chị P và vợ chồng anh C có giao dịch với nhau về việc mua bán mặt hàng kính từ năm 2020, theo hình thức hai bên thống nhất giá cả, chất lượng kính và loại kính và chốt công nợ trong sổ cho nợ gối vắn phải trả tiền dần cho vợ chồng chị P, đến cuối năm trả toàn bộ số tiền mua hàng còn nợ. Từ ngày 19/3/2022 đến ngày 03/01/2023 tổng số tiền vợ chồng anh C nợ là 30.353.000 đồng. Ngày 20/01/2022 vợ chồng anh C trả nợ được 15.000.000 đồng, vợ chồng chị P đã thông báo chấm dứt không bán kính cho vợ chồng anh C nữa và yêu cầu vợ chồng anh C trả nốt số tiền còn nợ 15.353.000 đồng nhưng vợ chồng anh C không trả. Sau đó vợ chồng chị P đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh C trả nợ nhưng vợ chồng anh C không trả với lý do anh H xúc phạm bố mẹ anh C và gia Đ C. Như vậy vợ chồng anh C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng chị P nên vợ chồng chị P khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh C trả khoản tiền 15.353.000 đồng mua hàng còn nợ cho vợ chồng chị P là có căn cứ và việc mua hàng còn nợ tiền được các đương sự thừa nhận đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên yêu cầu này được chấp nhận.

Vợ chồng chị P tự nguyện không yêu cầu vợ chồng anh C phải trả tiền lãi đối với khoản tiền còn nợ trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đề nghị của vợ chồng anh C là đề nghị vợ chồng chị P cho vợ chồng anh C trả nợ dần, mỗi năm vợ chồng anh C trả 2.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết số tiền còn nợ nhưng vợ chồng chị P không đồng ý nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh C, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền trả nợ cho nguyên đơn là $15.353.000 \text{ đồng} \times 5\% = 767.650 \text{ đồng}$ (làm tròn là 767.600 đồng).

[4] Về ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; 430, 433, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P. Buộc anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị Thu H phải trả cho chị Nguyễn Thị P và anh Lê Văn H số tiền là 15.353.000 đồng (Mười năm triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị P và anh Lê Văn H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị Thu H còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị Thu H phải liên đới chịu 767.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị P 384.000 đồng (anh Lê Văn H nộp thay) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004623, ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện VT;
- Chi cục THADS huyện VT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Huyền